

### Bài 1: điền từ thích hợp vào chỗ trống



1 p \_ \_ \_ a \_ \_ \_ \_



2 s \_ t \_ o \_ n \_ e



3 o \_ \_ \_ \_



4 \_ \_ \_ t



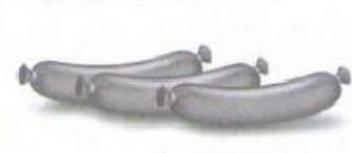
5 \_ \_ \_ o \_



6 c \_ \_ \_ \_ t \_



7 \_ \_ \_ u \_



8 \_ \_ \_ s \_ \_ e \_

Bài 2: Nhìn và hoàn thiện các câu trả lời, lưu ý đến số nhiều của danh từ

Look and complete the answers.



1 What are these?

They're sausages.

2 What are these?

They're \_\_\_\_\_.

3 What are these?

They're \_\_\_\_\_.

4 What are these?

They're \_\_\_\_\_.

Bài 3: Chọn đáp án đúng

10. Nhiều lựa chọn



Q. Garfield \_\_\_\_\_ a lot of food.

answer choices

drinks

doesn't eat

eats

doesn't drink

20. Nhiều lựa chọn

Q. Jane \_\_\_\_ everytime she \_\_\_\_ "Titanic".

answer choices

cries - watches  
 jumps - watches

cries - cooks  
 watches - cries

19. Nhiều lựa chọn

Q. He \_\_\_\_ his car everyday from his office to our home.

answer choices

drives  
 works

listens  
 talks

16. Nhiều lựa chọn



Q. He \_\_\_\_ the homework at nine five.

answer choices

does  
 have

do  
 check

15. Nhiều lựa chọn

Q. Kitty \_\_\_\_ bad food.

answer choices

eat  
 like to eat

don't eat  
 doesn't eat

14. Nhiều lựa chọn

Q. My brothers \_\_\_\_ video games all afternoon.

answer choices

play  
 have

plays  
 has